

Số: /VP

V/v làm rõ nội dung Báo cáo NCKT dự án Xây dựng hạ tầng cơ sở dữ liệu thuộc Đề án xây dựng đô thị thông minh thành phố Hải Dương (giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030)

Hải Dương, ngày tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- UBND thành phố Hải Dương;
- Hội đồng thẩm định dự án Xây dựng hạ tầng CSDL.

Văn phòng HĐND&UBND thành phố nhận được Văn bản số 02/CV-HĐTĐ ngày 20/12/2023 của Hội đồng thẩm định dự án Xây dựng hạ tầng cơ sở dữ liệu thuộc Đề án xây dựng Đô thị thông minh thành phố Hải Dương về việc báo cáo một số nội dung thẩm định Dự án và các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố, Hội đồng thẩm định Dự án trong cuộc họp ngày 27/12/2023. Văn phòng HĐND&UBND thành phố phối hợp Đơn vị tư vấn giải trình làm rõ một số nội dung như sau:

1. Về việc làm rõ các hạng mục đầu tư của dự án

1.1. Xây dựng CSDL địa chính

1.1.1. Xây dựng, cập nhật bổ sung và chuyển đổi CSDL địa chính cho 13 xã, phường đã có

- CSDL địa chính 13 phường, xã: Bình Hàn, Cẩm Thượng, Hải Tân, Lê Thanh Nghị, Ngọc Châu, Nguyễn Trãi, Nhị Châu, Phạm Ngũ Lão, Quang Trung, Tân Bình, Thanh Bình, Trần Hưng Đạo, Trần Phú đã được xây dựng và đưa vào vận hành từ năm 2013, tuy nhiên công tác vận hành, cập nhật không được thường xuyên dẫn tới dữ liệu trên hệ thống phần lớn đã biến động, lỗi thời nên cần thiết xây dựng, cập nhật bổ sung.

- CSDL địa chính 13 phường, xã áp dụng các quy định kỹ thuật về chuẩn dữ liệu địa chính theo Thông tư 17/2010/TT-BTNMT và không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật phục vụ vận hành, kết nối, liên thông hiện hành được quy định tại Thông tư 75/2015/TT-BTNMT nên cần thiết phải thực hiện chuyển đổi, hoàn thiện theo hướng dẫn tại Tiểu mục 2 Thông tư 05/2017/TT-BTNMT.

- Khối lượng thi công được cung cấp và xác nhận tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương. Khối lượng thi công CSDL địa chính bao gồm 04 khối thông tin đồng bộ với nhau, bao gồm:

- + Dữ liệu không gian được xây dựng từ bản đồ địa chính (78.207 thửa đất);
- + Dữ liệu thuộc tính được số hóa từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn đăng ký cấp giấy lần đầu, hệ thống sổ sách. (65.462 thửa đất);
- + Dữ liệu hồ sơ quét ở định dạng không chỉnh sửa được (PDF);
- + Dữ liệu không gian đất đai nền của 13 phường xã.
- Kinh phí thực hiện hạng mục công việc: **4.654.757.297 đồng**, đơn giá sản phẩm theo Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

1.1.2. Xây dựng mới CSDL địa chính cho 12 phường, xã

- 12 phường, xã: Tứ Minh, Việt Hòa, Ái Quốc, An Thượng, Nam Đồng, Thạch Khôi, Tân Hưng, Quyết Thắng, Tiên Tiến, Liên Hồng, Gia Xuyên, Ngọc Sơn chưa có CSDL địa chính và cần thiết phải xây dựng mới phục vụ công tác quản lý đất đai, cung cấp dịch vụ công về đất đai và chia sẻ thông tin đất đai với các ngành có liên quan (thuế, công chứng, ngân hàng,...).

- Khối lượng thi công được cung cấp và xác nhận tại Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương. Khối lượng thi công CSDL địa chính bao gồm 04 khối thông tin đồng bộ với nhau, bao gồm:

- + Dữ liệu không gian được xây dựng từ bản đồ địa chính (174.526 thửa đất);
- + Dữ liệu thuộc tính được số hóa từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn đăng ký cấp giấy lần đầu, hệ thống sổ sách. (63.465 thửa đất);
- + Dữ liệu hồ sơ quét ở định dạng không chỉnh sửa được (PDF);
- + Dữ liệu không gian đất đai nền của 12 phường xã.
- Kinh phí thực hiện hạng mục công việc: **10.716.052.068 đồng**, đơn giá sản phẩm theo Thông tư 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

1.1.3. Đo đạc bổ sung, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính

- Hạng mục công việc thực hiện tại 04 phường xã: Tân Hưng, Thạch Khôi, Ái Quốc, Gia Xuyên.

- Khối lượng thi công được tổng hợp, khảo sát từ nhu cầu thực tế của các phường, xã theo Công văn số 10/VP ngày 30/3/2023 của UBND thành phố Hải Dương. Đã tiến hành rà soát với các dự án của Phòng Tài nguyên và Môi trường và đã được xác nhận tại Biên bản thống nhất nội dung thi công của dự án ngày 26/9/2023. Khối lượng thi công chi tiết:

STT	ĐVHC	Tỷ lệ đo đạc bổ sung	Khối lượng đo đạc bổ sung (ha)	Tỷ lệ đo đạc chỉnh lý	Khối lượng đo đạc chỉnh lý (tờ)	Ghi chú
1	Tân Hưng	1/500	33,19	1/500	46	
				1/1000	11	
2	Thạch Khôi	1/1000	2	1/500	58	

STT	ĐVHC	Tỷ lệ đo đạc bổ sung	Khối lượng đo đạc bổ sung (ha)	Tỷ lệ đo đạc chính lý	Khối lượng đo đạc chính lý (tờ)	Ghi chú
				1/1000	19	
				1/2000	14	
3	Ái Quốc			1/1000	2	
				1/2000	2	
4	Gia Xuyên	1/500	61,3	1/1000	7	
	Tổng		96,49		159	

- Kinh phí thực hiện hạng mục công việc: **16.210.020.794 đồng**, đơn giá sản phẩm theo thông tư Thông tư 14/2017/ TT-BTNMT ngày 20/7/2017 Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính.

1.1.4. Mục tiêu của việc xây dựng CSDL địa chính

- Xây dựng hệ thống CSDL địa chính thành phố Hải Dương trên cơ sở kiến trúc hệ thống, hạ tầng đồng bộ, phần mềm thống nhất với các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, đặc biệt là quy định kỹ thuật cơ sở dữ liệu đất đai do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

- Các dịch vụ của cơ quan quản lý nhà nước, tiếp nhận và xử lý hồ sơ được tổ chức hợp lý hơn và giảm thời gian giao dịch. Hồ sơ đất đai vận hành theo quy trình được thiết lập dựa trên bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai, dễ dàng kiểm soát hồ sơ, hạn chế tình trạng hồ sơ trễ hạn.

- CSDL địa chính vận hành trên nền Web giúp cán bộ chuyên môn dễ dàng xử lý công việc, nâng cao trình độ áp dụng công nghệ thông tin địa lý (GIS) của cán bộ chuyên môn trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường, đặc biệt là lĩnh vực quản lý đất đai.

- Đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin về địa chính, quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, thông kê kiểm kê đất đai của cá nhân và tổ chức nhanh chóng và chính xác.

- Hoàn thiện và vận hành CSDL địa chính phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công về đất đai và chia sẻ thông tin đất đai với các ngành có liên quan (thuế, công chứng, ngân hàng,...).

- Hoàn thiện việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai thông qua việc hiện đại hóa Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương từ việc cải tiến quy trình, tiêu chuẩn dịch vụ tới việc trang bị thiết bị đầu - cuối và đào tạo cán bộ.

- Nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với Dự án; đặc biệt là đối với công tác xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống CSDL địa chính; hệ thống theo dõi, đánh giá quản lý và sử dụng đất đai.

- CSDL địa chính này phản ánh được toàn bộ hiện trạng dữ liệu đất đai do Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương quản lý. Việc tổ chức quản lý dữ liệu đất đai này được thực hiện trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo dữ liệu được cập nhật thường xuyên, có khả năng cung cấp nhanh chóng, chính xác thông tin đất đai cho cá nhân và tổ chức có nhu cầu. Từ đó, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, xử lý, khai thác dữ liệu đất đai, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai trong tình hình mới, nâng cao giá trị đóng góp và vị thế của ngành đất đai trong nền kinh tế quốc dân vì sự phát triển bền vững của đất nước.

- Sản phẩm của hạng mục xây dựng CSDL địa chính là dữ liệu không gian, thuộc tính, hồ sơ quét và dữ liệu không gian đất đai nền, trong đó số địa chính điện tử thửa đất được Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương đối soát, ký số từng thửa, đảm bảo tính chính xác của dữ liệu. Theo hướng dẫn tại Thông tư 05/2017/TT-BTNMT, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương là đơn vị thụ hưởng, vận hành và chịu trách nhiệm ký số số địa chính điện tử.

1.1.5. Phương án tổ chức, quản lý, vận hành, khai thác CSDL địa chính

- **Phần mềm:** Dự án không đầu tư phần mềm mới mà sử dụng phần mềm theo lựa chọn của Sở Tài nguyên và Môi trường (ELIS, VBDLIS, VNPT ILIS). Sản phẩm của dự án được đóng gói theo quy chuẩn của Thông tư 75/2015/TT-BTNMT nên có thể tích hợp với nhiều phần mềm hiện hành khác nhau. CSDL của dự án được lưu trữ trên cloud server, không mất kinh phí đầu tư server lưu trữ.

- Cơ quan quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai:

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương là đầu mối thực hiện các thủ tục hành chính về cấp GCN, đăng ký, chỉnh lý biến động, lưu trữ hồ sơ địa chính thuộc phạm vi quản lý.

+ Các phòng ban khác được truy cập cơ sở dữ liệu đất đai (được xem dữ liệu), thông qua tài khoản do Quản trị hệ thống cung cấp.

+ Cán bộ công chức địa chính phường, xã được truy cập CSDL (được xem dữ liệu), thông qua tài khoản do Quản trị hệ thống cung cấp, đối chiếu CSDL cung cấp thông tin cho hộ gia đình, cá nhân, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính qua quy trình đang vận hành trong CSDL, đối chiếu CSDL cung cấp thông tin trong quá trình quản lý đất đai tại địa bàn cho Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương kiểm tra, giám sát và cập nhật biến động cơ sở dữ liệu (nếu có).

- Phương án vận hành:

+ Các phòng ban chuyên môn tham gia vận hành CSDL địa chính theo Quy chế quản lý, vận hành và khai thác CSDL địa chính do UBND thành phố Hải Dương ban hành.

+ Tất cả các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký, đăng ký biến động đất đai phải thực hiện trong CSDL và thực hiện đảm bảo đúng quy trình đã thiết lập theo bộ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai do UBND thành phố ban hành.

+ Tất cả hồ sơ tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính đều phải scan (chụp) hồ sơ kèm theo khi trả kết quả cho người làm thủ tục đăng ký đất đai và lưu trữ liên kết thông tin vào CSDL. Định dạng tệp tin lưu trữ dưới khuôn dạng *.pdf, thành phần hồ sơ scan (chụp) do UBND thành phố quy định.

+ CSDL địa chính thành phố Hải Dương được tích hợp với hệ thống CSDL địa chính của tỉnh Hải Dương, được sao lưu định kỳ đảm bảo an toàn dữ liệu.

1.2. Chính lý, tạo lập cơ sở dữ liệu kho lưu trữ thông tin, dữ liệu hồ sơ, tài liệu đất đai

1.2.1. Chính lý hồ sơ, tài liệu đất đai dạng giấy

- Chính lý, sắp xếp tài liệu lưu trữ đất đai tại kho lưu trữ của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương.

- Khối lượng thi công được cung cấp và xác nhận tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương. Khối lượng thi công gồm tất cả hồ sơ, tài liệu lưu trữ về đất đai tại kho lưu trữ của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương. Khối lượng thi công: 1202.1 mét hồ sơ.

- Kinh phí thực hiện hạng mục công việc: **10.976.213.243** đồng, đơn giá sản phẩm theo Thông tư 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022: Ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1.2.2. Tạo lập CSDL lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai

- Số hóa, tạo lập CSDL lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai theo quy định với kho lưu trữ của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương. Khối lượng thi công: 1202.1 mét hồ sơ, 6.010.500 trang A4.

- Kinh phí thực hiện hạng mục công việc: **11.833.582.008** đồng, đơn giá sản phẩm theo Thông tư 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022: Ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1.2.3. Phần mềm quản lý kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai

- Xây dựng phần mềm quản lý kho tài liệu lưu trữ giúp việc khai thác và sử dụng các tài liệu đất đai một cách tối ưu, đáp ứng thời đại Công nghệ 4.0, xã hội số, Chính phủ số mà Đảng và nhà nước đang hướng tới. Đồng thời kho tài liệu lưu trữ giúp tạo nền tảng và ghép nối cho các hệ thống thông tin/CSDL phục vụ Chuyển đổi số lĩnh vực tài nguyên và môi trường của tỉnh Hải Dương.

- Kinh phí thực hiện hạng mục công việc: **4.079.042.000 đồng**, đơn giá theo Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27/10/2020 Ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường.

1.2.4. Mục tiêu của việc Chinh lý, tạo lập cơ sở dữ liệu kho lưu trữ thông tin, dữ liệu hồ sơ, tài liệu đất đai

Tài liệu lưu trữ đất đai là tài sản có giá trị phải được quản lý để sử dụng lâu dài, phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai và phát triển kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật. Việc bảo quản, giữ gìn lưu trữ tài liệu đất đai là hết sức cần thiết và quan trọng. Để thực hiện tốt công tác quản lý tài liệu lưu trữ, ngày 11/11/2011 Quốc hội đã ban hành Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 nhằm bảo vệ tài liệu lưu trữ Quốc gia và bảo quản, sử dụng tài liệu của các cơ quan Nhà nước. Toàn bộ các loại tài liệu được hình thành trong quá trình giải quyết công việc phải được đưa vào lưu trữ để bảo quản, khai thác, sử dụng tài liệu, đặc biệt là tài liệu đất đai. Việc thực hiện dự án chỉnh lý, sắp xếp tài liệu, số hóa, tạo lập cơ sở tài liệu lưu trữ đất đai nhằm mục đích chính sau:

- Sắp xếp, hệ thống hóa tài liệu đất đai một cách khoa học giúp giải quyết tình trạng tài liệu tồn đọng tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương; Tạo thuận lợi cho công tác tổ chức khai thác sử dụng, phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ;

- Lựa chọn những hồ sơ, tài liệu có giá trị để giữ lại; Loại ra những hồ sơ, tài liệu hết giá trị để tiêu hủy và qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng kho tàng và trang thiết bị, phương tiện bảo quản;

- Biên mục văn bản đối với hồ sơ lưu vĩnh viễn, xây dựng mục lục hồ sơ phục vụ công tác tra cứu bảo quản tài liệu cách lâu dài trên phần mềm;

- Thống kê chính xác số lượng hồ sơ hiện có trong kho, giúp tra cứu, truy tìm dễ dàng; Phục vụ cho công tác giải quyết các thủ tục hành chính về tài nguyên và môi trường theo hướng hiện đại, đúng tiêu chuẩn, đúng quy định.

- Số hóa, tạo lập CSDL tài liệu lưu trữ đất đai để chuyển đổi việc khai thác tài liệu lưu trữ trực tiếp bản gốc bằng giấy sang khai thác dưới dạng file điện tử, giúp cho việc khai thác cung cấp thông tin được nhanh chóng, hiệu quả và tiết

kiệm thời gian; góp phần cải cách hành chính, nâng cao hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lưu trữ, kéo dài tuổi thọ của văn bản gốc (bằng giấy).

1.2.4. Phương án quản lý, vận hành, khai thác CSDL lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai

- Đơn vị chịu trách nhiệm vận hành, cập nhật thường xuyên CSDL lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương.

- Đối tượng sử dụng phần mềm, khai thác dữ liệu: Tất cả các phòng ban của UBND thành phố.

- Phần mềm quản lý kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai của thành phố được xây dựng với mục tiêu xây dựng, quản lý, khai thác, lưu trữ, biên tập tất cả tài liệu đất đai qua các thời kỳ của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất chi nhánh thành phố Hải Dương. Các chức năng của phần mềm đảm bảo đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu vận hành, lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai tại các phòng, ban chuyên môn của UBND thành phố.

- Phần mềm quản lý kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai của thành phố Hải Dương và phần mềm Quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu địa chính được xây dựng với các mục tiêu sử dụng khác nhau, khi vận hành sẽ kết nối, liên thông với nhau nên đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, không bị trùng lặp, lãng phí.

1.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị

1.3.1. Xây dựng Cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị:

- Kế thừa các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã xây dựng từ dự án GIS Quy hoạch của Sở Xây dựng.

- Xây dựng và chuẩn hóa, cập nhật bổ sung các đồ án quy hoạch mới phê duyệt, chưa thực hiện xây dựng. Khối lượng thi công đã được rà soát với các dự án của Phòng Quản lý đô thị và đã được xác nhận tại Biên bản thống nhất nội dung thi công của dự án ngày 26/9/2023 gồm 10 quy hoạch phân khu, 60 quy hoạch chi tiết.

- Kinh phí thực hiện hạng mục công việc: **2.015.420.000 đồng**, đơn giá theo Thông tư 26/2014/TT-BTNMT ngày 15/7/2014 Ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1.3.2. Xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật

- Xây dựng, chuẩn hóa, thu thập, đo đạc CSDL chiếu sáng trên các tuyến đường phố chính trên địa bàn thành phố gồm: tuyến chiếu sáng, trạm biến áp, tủ điều khiển, các điểm sáng. Khối lượng chi tiết gồm có 4.500 điểm sáng, 100 tủ điện, 500 trạm biến áp, 1.000 cáp chiếu sáng và 500 điểm trang trí.

- Xây dựng, chuẩn hóa, thu thập và đo đạc CSDL thoát nước với độ chính xác cao trên các tuyến phố chính trên địa bàn thành phố. Các lớp dữ liệu gồm: Hồ

điều hòa, trạm xử lý nước thải, trạm bơm thoát nước, tuyến thoát nước, công thoát nước, cửa xả, van thoát nước, hố ga. Khối lượng chi tiết gồm có 17.294 đối tượng.

- Xây dựng, chuẩn hóa, thu thập và đo đạc CSDL giao thông đô thị với độ chính xác cao trên các tuyến phố chính. Các lớp dữ liệu gồm: Tuyến đường, biển báo, đèn tín hiệu, vỉa hè, dải phân cách, cây xanh,... Khối lượng chi tiết gồm có 2.740 đối tượng.

- Kinh phí thực hiện hạng mục công việc: **5.729.778.329 đồng**, đơn giá theo Thông tư 26/2014/TT-BTNMT ngày 15/7/2014 Ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1.3.3. Biên tập bản đồ nền đô thị thành phố Hải Dương

- Biên tập bản đồ nền đô thị thành phố Hải Dương từ các nguồn dữ liệu Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các phường/xã, thành phố Hải Dương mới nhất, bản đồ hành chính tỉnh Hải Dương, các nguồn dữ liệu tham khảo từ các nền tảng bản đồ số đã được công nhận và các bản đồ quy hoạch chi tiết đã được triển khai...

- Sản phẩm bản đồ nền đô thị thành phố Hải Dương gồm các lớp dữ liệu: Giao thông, thủy hệ, khu chức năng, thực phủ, các loại đất khác, điểm kinh tế xã hội, địa phận các cấp tỉnh, huyện, xã.

- Kinh phí thực hiện hạng mục công việc: **607.374.771 đồng**, đơn giá theo Thông tư 26/2014/TT-BTNMT ngày 15/7/2014 Ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1.3.4. Mục tiêu của việc Xây dựng CSDL quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị

- Cung cấp nền tảng về bản đồ và cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật với độ chính xác cao để triển khai các dịch vụ tiện ích đô thị thông minh như: hệ thống giao thông thông minh, hệ thống chiếu sáng thông minh, hệ thống nước sạch thông minh, hệ thống lưới điện thông minh, hệ thống xử lý nước thải thông minh, hệ thống thu gom và xử lý rác thải thông minh,...

- Cung cấp bản đồ và thông tin hạ tầng kỹ thuật đô thị với độ chính xác cao phục vụ cuộc sống và hoạt động kinh doanh hàng ngày của người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư...

- Cung cấp nền tảng về bản đồ và cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, thống nhất với độ chính xác cao phục vụ các nghiệp vụ quản lý đô thị của các cơ quan quản lý nhà nước như: thẩm định, cấp phép, thanh kiểm tra, tổng hợp báo cáo số liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị,...

- Cung cấp nền tảng về bản đồ và cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị với độ chính xác cao phục vụ số hóa các nghiệp vụ quản lý vận hành, bảo trì hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các doanh nghiệp vận hành, bảo trì hạ tầng kỹ thuật đô thị

1.3.5. Phương án quản lý, vận hành, khai thác CSDL quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị

- Đơn vị chịu trách nhiệm vận hành, cập nhật thường xuyên CSDL quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị: Phòng Quản lý đô thị thành phố Hải Dương.

- Sở xây dựng đã có Hệ thống CSDL quy hoạch xây dựng tại địa chỉ <https://quyhoach.haiduong.gov.vn>, do đó sản phẩm của dự án sẽ tích hợp lên hệ thống chung của tỉnh, không cần đầu tư xây dựng phần mềm mới.

- Đối tượng sử dụng hệ thống, khai thác dữ liệu: Các phòng ban chuyên môn, doanh nghiệp, người dân... Các phòng ban chuyên môn, lãnh đạo quản lý khai thác, vận hành cập nhật CSDL quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị thông qua tài khoản do Quản trị hệ thống cung cấp. Doanh nghiệp, người dân có thể dễ dàng tra cứu thông tin quy hoạch trực tuyến bằng cách ngồi nhà và truy cập website, nhập vị trí, tọa độ thửa đất muốn xem thông tin.

- Các phòng ban chuyên môn tham gia vận hành CSDL quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị theo Quy chế quản lý, vận hành và khai thác CSDL do UBND thành phố Hải Dương ban hành.

1.4. Đào tạo, chuyển giao công nghệ

Thực hiện tổ chức các khóa đào tạo quản trị và khai thác dữ liệu cho các cán bộ, chuyên môn phòng môn thuộc UBND thành phố Hải Dương, gồm:

- Lớp đào tạo quản trị hệ thống;
- Lớp đào tạo vận hành khai thác hệ thống.

Kinh phí thực hiện hạng mục công việc: **47.080.000 đồng**

1.4.1. Cài đặt và quản trị hệ thống

- *Mục đích ý nghĩa*

Đào tạo cài đặt và quản trị hệ thống với mục đích cung cấp đầy đủ các kiến thức cơ bản và nâng cao về các bước cài đặt, triển khai thành công hệ thống, cách thức tổ chức, quản trị và vận hành hệ thống, nhằm hỗ trợ cán bộ quản trị hệ thống thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- + Thực hiện các thao tác cơ bản, duy trì sự hoạt động ổn định của toàn Hệ thống.
- + Chủ động trong việc phối hợp và hỗ trợ nhà cung cấp trong quá trình bảo hành, bảo trì toàn bộ Hệ thống.
- + Làm chủ được các sự cố phát sinh trong quá trình vận hành toàn bộ Hệ thống.
- + Thực hiện các tác vụ liên quan đến việc cập nhật, upload dữ liệu, kết nối với các cơ sở dữ liệu (khi có yêu cầu).

- *Yêu cầu đối với học viên*

Các học viên tham gia khoá đào tạo cài đặt và quản trị hệ thống cần:

- + Là kỹ thuật viên, chuyên viên quản trị hệ thống
- + Có kinh nghiệm quản trị các hệ thống ứng dụng CNTT
- Nội dung đào tạo

Các nội dung chính được đề xuất trong khoá đào tạo cài đặt và quản trị hệ thống, bao gồm:

- + Cài đặt các phần mềm hệ thống, bảo mật và cơ sở dữ liệu
- + Cài đặt và cấu hình phần mềm
- + Quản lý và theo dõi các dịch vụ (services), xem log hệ thống
- + Hướng dẫn đăng nhập, đăng xuất hệ thống
- + Quản lý người dùng, tích hợp người dùng
- + Phân quyền sử dụng các chức năng cho nhóm người dùng, người dùng
- + Tổ chức phân loại thông tin, quản trị các tham số hệ thống
- + Các vấn đề liên quan khác.

1.4.2. Đào tạo sử dụng phần mềm

- Mục đích ý nghĩa

Đào tạo sử dụng với mục tiêu cung cấp đầy đủ các kiến thức cơ bản và nâng cao về cách khai thác dữ liệu nhằm hỗ trợ cán bộ, lãnh đạo, kỹ thuật và người khai khác có thể vận hành và sử dụng được hệ thống, gồm các nhiệm vụ cụ thể sau:

Đảm bảo Hệ thống đáp ứng được yêu cầu về truy nhập và sử dụng thông tin của người dùng.

- Yêu cầu đối với học viên

Các học viên tham gia khoá đào tạo sử dụng cần có:

- + Kỹ năng sử dụng cơ bản về tin học (bắt buộc)
- + Kỹ năng sử dụng và khai thác thông tin trên Internet (bắt buộc).
- + Kinh nghiệm sử dụng phần mềm tin học (không bắt buộc)
- Nội dung đào tạo
- + Đăng nhập và đăng xuất hệ thống
- + Thay đổi thông tin, mật khẩu người sử dụng
- + Sử dụng các chức năng của phần mềm
- + Xử lý, tìm kiếm và tra cứu thông tin

2. Kinh phí của dự án

2.1. Diễn giải kinh phí của dự án

TT	Nội dung	Ký hiệu	Giá trị trước thuế VAT	Thuế VAT	Tổng kinh phí	Ghi chú
I	Chi phí thiết bị	Gtb	62.106.618.069	5.769.771.707	67.876.389.776	
1	Chi phí thiết bị Kho		0	0	0	
2	Chi phí xây dựng Cơ sở dữ liệu	Ght	57.654.917.069	5.765.491.707	63.420.408.776	
3	Chi phí mua sắm phần mềm bản quyền		329.859.000		329.859.000	

TT	Nội dung	Ký hiệu	Giá trị trước thuế VAT	Thuế VAT	Tổng kinh phí	Ghi chú
4	Chi phí phần mềm nội bộ	Gpm	4.079.042.000		4.079.042.000	CV 2589/BTTTT- UDCNTT
5	Chi phí triển khai, đào tạo, chuyên giao	Gtk-đt	42.800.000	4.280.000	47.080.000	
II	Chi phí quản lý	Gql	843.127.000	84.312.700	927.439.700	
1	Hạng mục hạ tầng kỹ thuật công nghệ	Gql1	728.547.000	72.854.700	801.401.700	Bảng 1a, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 (BCKTKT tính bằng 0,84 lần định mức chi phí quản lý DA)
2	Hạng mục phần mềm nội bộ	Gql2	114.580.000	11.458.000	126.038.000	Bảng 1b, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
III	Chi phí tư vấn	Gtv	1.379.688.909	126.731.911	1.506.420.820	
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Gtv1	452.174.545	45.217.455	497.392.000	
	Chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi		452.174.545	45.217.455	497.392.000	Hợp đồng Số: 142A/2021/HDTV ngày 01/10/2021 (Điều chỉnh thuế theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ)
3	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi	Gtv3	33.606.364	3.360.636	36.967.000	Hợp đồng Số: 142B/2021/HDTV ngày 01/10/2021 (Điều chỉnh thuế theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ)
2	Chi phí lập thiết kế dự toán	Gtv2	379.156.000	30.332.480	409.488.480	
	Hạng mục hạ tầng kỹ thuật công nghệ	Gtv2.1	241.448.000	19.315.840	260.763.840	Bảng 2a, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 (Lập BCKTKT=1,65 lần định mức chi phí lập dự án đầu tư)
	Hạng mục phần mềm nội bộ	Gtv2.2	137.708.000	11.016.640	148.724.640	Bảng 2b, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
4	Chi phí thẩm tra thiết kế chi tiết và dự toán		38.347.000	3.067.760	41.414.760	
4,1	Chi phí thẩm tra thiết kế thi công	Gtv4	20.538.000	1.643.040	22.181.040	
	Hạng mục hạ tầng kỹ thuật công nghệ	Gtv4.1	16.663.000	1.333.040	17.996.040	Bảng 5a, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019

TT	Nội dung	Ký hiệu	Giá trị trước thuế VAT	Thuế VAT	Tổng kinh phí	Ghi chú
	Hạng mục phần mềm nội bộ	Gtv4.2	3.875.000	310.000	4.185.000	Bảng 5b, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
4,2	Chi phí thẩm tra dự toán	Gtv5	17.809.000	1.424.720	19.233.720	
	Hạng mục hạ tầng kỹ thuật công nghệ	Gtv5.1	14.342.000	1.147.360	15.489.360	Bảng 6a, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
	Hạng mục phần mềm nội bộ	Gtv5.2	3.467.000	277.360	3.744.360	Bảng 6b, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
6	Chi phí tư vấn đấu thầu (lập HSMT, đánh giá HSDT) MS thiết bị	Gtv6	82.240.000	6.579.200	88.819.200	
	Hạng mục hạ tầng kỹ thuật công nghệ	Gtv6.1	65.720.000	5.257.600	70.977.600	Bảng 8a, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
	Hạng mục phần mềm nội bộ	Gtv6.2	16.520.000	1.321.600	17.841.600	Bảng 8b, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
7	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định KQĐT		62.106.000	4.968.480	67.074.480	
	Chi phí thẩm định HSMT	Gtv7	31.053.000	2.484.240	33.537.240	Khoản 2 Điều 9, NĐ 63/2014/NĐ-CP
	Chi phí thẩm định KQĐT	Gtv8	31.053.000	2.484.240	33.537.240	Khoản 5 Điều 9, NĐ 63/2014/NĐ-CP
8	Chi phí tư vấn giám sát	Gtv9	332.059.000	33.205.900	365.264.900	
	Hạng mục hạ tầng kỹ thuật công nghệ	Gtv9.1	247.908.000	24.790.800	272.698.800	Bảng 9a, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
	Hạng mục phần mềm nội bộ	Gtv9.2	84.151.000	8.415.100	92.566.100	Bảng 9b, QĐ số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
IV	Chi phí khác	Gk	546.605.148	34.477.152	581.082.300	
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk1	189.579.000		189.579.000	Khoản 1, Điều 46 Nghị định số :99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021
2	Chi phí kiểm toán	Gk2	295.753.000	29.575.300	325.328.300	Khoản 1, Điều 46 Nghị định số :99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021
3	Chi phí thẩm định giá	Gk4	61.273.148	4.901.852	66.175.000	
V	Chi phí dự phòng	Gdp	2.735.500.000		2.735.500.000	
	Tổng dự toán		67.611.539.000	6.015.293.000	73.626.832.600	
	Tổng dự toán (làm tròn)				73.627.000.000	

2.2. Khái toán chi phí vận hành hàng năm sau khi hoàn thành dự án

Sau khi dự án hoàn thành đưa vào vận hành, trong năm đầu tiên, chi phí bảo hành bảo trì chưa phát sinh do thiết bị đang trong giai đoạn bảo hành của nhà sản xuất, từ những năm thứ hai trở đi, chi phí hỗ trợ kỹ thuật phần mềm, chi phí thuê mềm quản lý đất đai, cập nhật dữ liệu (nếu có) được lấy từ kinh phí thường xuyên.

Cụ thể chi phí vận hành dự án hàng năm gồm:

STT	Hạng mục chi phí	Giá trị/năm (đồng)	Ghi chú
1	Cập nhật dữ liệu nếu có (hiện nay hồ sơ, tài liệu đất đai chưa tập trung hết về kho của UBND mà vẫn phân tán ở xã, huyện trước sáp nhập) - Dữ liệu địa chính - Dữ liệu kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai - Dữ liệu quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị	800.000.000	Tạm tính
2	Hỗ trợ kỹ thuật phần mềm - Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu địa chính - Phần mềm quản lý kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai - Phần mềm quản lý dữ liệu quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị	600.000.000	Tạm tính
3	Thuê hệ thống và dịch vụ chia sẻ dữ liệu - Dịch vụ chia sẻ dữ liệu với ngành Thuế - Dịch vụ chia sẻ dữ liệu với Sở xây dựng	200.000.000	Tạm tính
TỔNG CỘNG		1.600.000.000	

3. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
1	<i>Xây dựng hệ thống phục vụ công tác quản lý đất đai</i>	
1.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	
-	Xây dựng, cập nhật bổ sung và chuyển đổi CSDL địa chính cho 13 phường, xã đã có csdl	2024
-	Xây dựng mới CSDL địa chính cho 12 phường, xã chưa có	2024-2025
-	Đo đạc chỉnh lý và đo mới Bản đồ địa chính thành phố Hải Dương	2024
1.2	Chỉnh lý, tạo lập cơ sở dữ liệu kho lưu trữ thông tin, dữ liệu hồ sơ, tài liệu đất đai	
-	Chỉnh lý hồ sơ, tài liệu đất đai	2024
-	Tạo lập CSDL lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai	2024-2025
-	Phần mềm quản lý kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu đất đai	2024
2	<i>Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch xây dựng và hạ</i>	

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
	tầng kỹ thuật đô thị	
2.1	Xây dựng Cơ sở dữ liệu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị	2024
3	Phần mềm bản quyền	2024
4	Đào tạo, chuyển giao công nghệ	2024-2025

4. Làm rõ các nội dung trong Công văn số 02/CV-HĐTĐ của Hội đồng thẩm định dự án

4.1. Xem xét đánh giá lại hình thức đầu tư là đầu tư mới kết hợp nâng cấp, cải tạo; Bổ sung số liệu đánh giá hiện trạng của từng phường xã

Trả lời:

- Tại mục III.3. Quy mô và hình thức đầu tư, đơn vị tư vấn đã nêu rõ các hạng mục công việc cần xây dựng mới hay cần hoàn thiện, kế thừa và xây dựng bổ sung.

- Tại mục V. Các hạng mục đầu tư, đơn vị tư vấn đã có số liệu đánh giá chi tiết đến từng phường xã. Các số liệu được khảo sát, thu nhập và có xác nhận của các phòng ban chuyên môn, đảm bảo tính chính xác của số liệu.

4.2. Bổ sung chi tiết số liệu cần thực hiện để đánh giá mục đích sử dụng và làm căn cứ kết quả nghiệm thu; Bổ sung số liệu chi tiết, từ đó xác định số liệu xây dựng hạ tầng cơ sở dữ liệu chắc chắn dùng để phục vụ đề án đô thị thông minh

Trả lời:

- Các dữ liệu trong dự án là rất quan trọng trong việc triển khai đô thị thông minh. Nội dung *Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; Chính lý, tạo lập cơ sở dữ liệu kho lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị* trong dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 17/9/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Dương về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng cơ sở dữ liệu thuộc Đề án xây dựng Đô thị thông minh thành phố Hải Dương (giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030).

4.3. Dự án Xây dựng hạ tầng cơ sở dữ liệu thuộc Đề án xây dựng Đô thị thông minh thành phố Hải Dương (giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030) là dự án lớn, trước khi triển khai cần học tập kinh nghiệm các tỉnh đã thực hiện như Hải Phòng, Bắc Ninh... và trước khi phê duyệt nên xin ý kiến của UBND tỉnh và các Sở ngành liên quan.

Trả lời:

- Đơn vị tư vấn đồng ý với quan điểm của Hội đồng thẩm định về việc học tập kinh nghiệm các tỉnh đã thực hiện dự án tương tự như Bắc Giang, Bắc Ninh...

- Chủ đầu tư đã có văn bản xin ý kiến đóng góp của các phòng chuyên môn, Sở chuyên ngành để Chủ đầu tư hoàn thiện cũng như giải trình các ý kiến của các đơn vị, tránh sai sót trong các bước thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, các chi phí đầu tư được duyệt đảm bảo phù hợp, tiết kiệm, và có các căn cứ pháp lý liên quan để thực hiện trình duyệt dự án.

Trên đây là một số nội dung làm rõ Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án Xây dựng hạ tầng cơ sở dữ liệu thuộc Đề án xây dựng Đô thị thông minh thành phố Hải Dương (giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030). Văn phòng HĐND&UBND thành phố kính đề nghị UBND thành phố, Hội đồng thẩm định Dự án xem xét và thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT TT UBND tp (để báo cáo);
- Như kính gửi;
- CVP HĐND&UBND tp;
- Ban QLDA;
- Lưu: VT, T. Anh (01b).

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Quang Huy